

Unit 2. My house

SPEAKING

Act as..... | Đóng vai.....

1.

P16/GS/A1

A look inside

Act as.....	Nick:	My:
Mi:	Wow! Your room looks so big, Nick.	
Nick:	It's Elena's room. She's my sister.	
Mi:	I see. Is there a TV behind you?	
Nick:	Yes, there is. Where do you live, Mi?	
Mi:	I live in a town house. And you?	
Nick:	I live in a country house. Who do you live with?	
Mi:	My parents and younger brother. We're moving to a flat next month!	
Nick:	Are you?	
Mi:	Yes. My aunt lives near there, and I can play with my cousin.	
Nick:	Are there many rooms in your new flat?	
Mi:	Yes, there are. There's a living room, three bedrooms, a kitchen and two bathrooms.	

2.

P18/CL1/A5

Act as.....	Mum:	Mi:
Mi:	Mum, are you home?	
Mum:	Yes, honey. I'm in the kitchen. I've bought these new bowls and chopsticks.	
Mi:	They're beautiful, Mum. Where did you buy them?	
Mum:	In the department store near our house. They have a lot of things for homes.	
Mi:	Don't forget we need two lamps for my bedroom, Mum.	
Mum:	Let's go there this weekend.	

To: phong@webmail.com; mi@webmail.com

Subject: A room at the Crazy House Hotel

Hi Phong and Mi ,

How are you ? I'm in Da Lat with my parents . We're staying at the Crazy House Hotel . Wow! It is really crazy .

There are ten rooms in the hotel . There's a Kangaroo Room, an Eagle Room, and even an Ant Room . I'm staying in the Tiger Room . It's called the Tiger Room because there's a big tiger on the wall .

The tiger is between the bathroom door and the window . The bed is under the window, but the window is in a strange shape . I put my bag under the bed .

There's a lamp, a wardrobe and a desk . You should stay here when you visit Da Lat . It's great .

See you soon !

Nick

An's bedroom is big but messy . There **are** clothes on the floor . There is a big desk **near** the window, and there are dirty bowls and chopsticks **on** it . He usually puts his **schoolbag** under the desk . His bed is **next** to the desk, and it is also **untidy** . There is a cap, some CDs and some books on the bed . An's mum is **not** happy with this, and now An is tidying up **his** room .

*NOTE

1

a/an	(deter)	một
look	(n)	cái nhìn, vẻ mặt, ngoại hình, nhan sắc
look + adj	(v)	trông như thế nào đó
look/looks - looked - looked - looking		

so = very	(adv)	rất, lắm, cực kỳ
sister(s)	(n)	chị gái
see	(v)	hiểu, nhìn, gặp
town house(s)/townhouse(s)	(n)	nhà phố
country house(s)	(n)	nhà ở nông thôn
And you?		Còn bạn thì sao?
with...	(prep)	với...
parents	(n)	bố mẹ
younger brother(s)	(n)	em trai
move to...	(v)	chuyển/rời đến...
move/moved - moved - moved - moving		
next month	(n.phrase)	tháng sau
TĐT + S? = Really?		Thật á?
Are you?		Thật á?
near	(prep)	gần
there	(adv)	đó, ở đó
cousin(s)	(n)	anh/chị/em họ
flat(s) = apartment(s)	(n)	căn hộ

2

home	(adv)	ở nhà, đến nhà
honey	(n)	con yêu, mật ong
buy	(v)	mua
buy/buys - bought - bought - buying		
these + DTSN	(adj)	này
department store(s)	(n)	cửa hàng bách hóa
thing(s)	(n)	thứ, cái, đồ, vật, điều, việc

forget	(v)	quên
forget/forgets - forgot - forgotten/forgot - forgetting		
need	(v)	cần
need/needs - needed - needed - needing		
for	(prep)	cho, dành cho, phục vụ cho
this weekend	(n.phrase)	cuối tuần này

3

@ = at		
to	(prep)	đến
subject	(n)	chủ đề, môn học
with	(prep)	với
parents	(n)	bố mẹ
stay	(v)	ở, ở lại
stay/stays - stayed - stayed - staying		
at + địa chỉ cụ thể	(prep)	ở...
crazy	(adj)	điên, khùng, say mê
hotel(s)	(n)	khách sạn
really	(adv)	thật sự, thực sự
kangaroo(s)	(n)	chuột túi
eagle(s)	(n)	đại bàng
even	(adv)	thậm chí
ant(s)	(n)	con kiến
tiger(s)	(n)	con hổ
wall	(n)	tường, bức tường
in	(prep)	trong, ở, ở trong
strange	(adj)	kỳ lạ, lập dị

shape(s)	(n)	hình dạng, hình thù
put	(v)	đặt để
put/puts - put - put - putting		
should	(modal.v)	nên
here	(adv)	đây, ở đây
when	(conj)	khi, khi mà
visit	(v)	tham quan, thăm hỏi
visit/visits - visited - visited - visiting		
great = wonderful = amazing = fantastic	(adj)	tuyệt vời
See you soon!		Hẹn gặp lại!

4

messy	(adj)	bừa bộn, bừa bãi
tidy	(adj)	gọn gàng, ngăn nắp
untidy	(adj)	không gọn gàng, không ngăn nắp, bừa bộn
clothes	(plural.n)	quần áo
floor(s)	(n)	sàn nhà
dirty	(adj)	bẩn, bẩn thỉu
also	(adv)	cũng
cap(s)	(n)	mũ lưỡi trai
CD(s)	(n)	đĩa CD
this	(pro.n)	việc này, điều này, cái này,
now	(adv)	bây giờ
tidy up sth	(v.phrase)	dọn dẹp (cái gì đó)
tidy/tidies - tidied - tidied - tidying		

his	(adj)	của cậu ấy, của anh ấy, của ông ấy...
-----	-------	---------------------------------------